TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Trịnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn M, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp 7, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 20-3-2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; anh M gia trưởng, khó khăn, hay ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên cự cãi và ly thân từ tháng 01-2023 cho đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Hoài N (nam), sinh ngày 26-9-2011 và Phạm Nhã H (nữ), sinh ngày 20-5-2020, hiện nay chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Hoài N và Nhã H; chị C không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M tự thỏa thuận,

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M thống nhất với lời trình bày của chị C về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh M ghen vô cớ nhưng anh không gia trưởng, khó khăn với chị C. Nay anh M không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Hoài N (nam), sinh ngày 26-9-2011 và Phạm Nhã H (nữ), sinh ngày 20-5-2020, hiện nay chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh M đồng ý giao Hoài N và Nhã H cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng; anh M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 10-3-2023 về việc ghi nguyện vọng của con chung, thể hiện: Trường hợp chị C ly hôn với anh M thì nguyện vọng của cháu Phạm Hoài N sống chung với chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 20-3-2015 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh M được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị C xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, đã ly thân từ tháng 01-2023 cho đến nay nên chị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M. Chị C khẳng định, hiện nay chị C không còn tình cảm yêu thương anh M và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị C khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống với anh M sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 10-3-2023 cũng như tại phiên tòa, chị C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Phạm Hoài N (nam), sinh ngày 26-9-2011 và Phạm Nhã H (nữ), sinh ngày 20-5-2020. Trong

trường hợp ly hôn, anh M đồng ý giao Hoài N và Nhã H cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thống nhất thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị C và anh M trên tinh thần tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoài N nên được chấp nhận. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Phạm Hoài N (nam), sinh ngày 26-9-2011 và Phạm Nhã H (nữ), sinh ngày 20-5-2020 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu anh Phạm Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 13 tháng 02 năm 2023, chị Nguyễn Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0010949 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà

Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã L, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Minh Út